

Số: 26 /QĐ-CQLTT

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán chi ngân sách 2019

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3650/QĐ-BCT ngày 11/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TCQLTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách năm 2019 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa (có biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Kế toán trưởng, các phòng ban, các Đội Quản lý thị trường trực thuộc và các đơn vị liên quan thực hiện quyết này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục;
- Các đội QLTT trực thuộc;
- Lưu: VT, KT, TC.



Nguyễn Văn Hùng

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		32.280.000.000		
I	Nguồn ngân sách trong nước		32.280.000.000		
1	Chi quản lý hành chính		32.280.000.000		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		26.833.000.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		5.447.000.000		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2019

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của ...)

Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Văn phòng Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa	Đội Quản lý thị trường số 9	Đội Quản lý thị trường số 8
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước						
1	Nguồn ngân sách trong nước						
1	Chi quản lý hành chính						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Văn phòng Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa	Đội Quản lý thị trường số 9	Đội Quản lý thị trường số 8
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	26.833.000.000	26.833.000.000		8.973.000.000	997.000.000	955.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.447.000.000	5.447.000.000		2.196.000.000	416.000.000	160.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Văn phòng Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa	Đội Quản lý thị trường số 9	Đội Quản lý thị trường số 8
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Nguồn vốn viện trợ						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
11	Nguồn vay nợ nước ngoài						
1	Chi quản lý hành chính						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Văn phòng Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa	Đội Quản lý thị trường số 9	Đội Quản lý thị trường số 8
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chỉ bảo đảm xã hội						
6	Chỉ hoạt động kinh tế						
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)				Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			
		Đội Quản lý thị trường số 1	Đội Quản lý thị trường số 5	Đội Quản lý thị trường số 6	Đội Quản lý thị trường số 7	Đội Quản lý thị trường số 2	Đội Quản lý thị trường số 3		
1	2	9	10	11	12	13	14		
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
1	Lệ phí								
2	Phí								
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại								
1	Chi sự nghiệp								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước								
1	Lệ phí								
2	Phí								
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.840.000.000	990.000.000	1.160.000.000	1.000.000.000	1.084.000.000	1.180.000.000		
1	Nguồn ngân sách trong nước	1.840.000.000	990.000.000	1.160.000.000	1.000.000.000	1.084.000.000	1.180.000.000		
1	Chi quản lý hành chính	1.840.000.000	990.000.000	1.160.000.000	1.000.000.000	1.084.000.000	1.180.000.000		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.460.000.000	830.000.000	1.000.000.000	850.000.000	960.000.000	1.020.000.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	380.000.000	160.000.000	160.000.000	150.000.000	124.000.000	160.000.000		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 1	Đội Quản lý thị trường số 5	Đội Quản lý thị trường số 6	Đội Quản lý thị trường số 7	Đội Quản lý thị trường số 2	Đội Quản lý thị trường số 3
1	2	9	10	11	12	13	14
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			
		Đội Quản lý thị trường số 1	Đội Quản lý thị trường số 5	Đội Quản lý thị trường số 6	Đội Quản lý thị trường số 7	Đội Quản lý thị trường số 2	Đội Quản lý thị trường số 3	
1	2	9	10	11	12	13	14	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao							
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
II	Nguồn vốn viện trợ							
1	Chi quản lý hành chính							
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề							
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
5	Chi bảo đảm xã hội							
6	Chi hoạt động kinh tế							
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin							
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn							
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao							
III	Nguồn vay nợ nước ngoài							
1	Chi quản lý hành chính							
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề							
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
5	Chi bảo đảm xã hội							
6	Chi hoạt động kinh tế							
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 1	Đội Quản lý thị trường số 5	Đội Quản lý thị trường số 6	Đội Quản lý thị trường số 7	Đội Quản lý thị trường số 2	Đội Quản lý thị trường số 3
1	2	9	10	11	12	13	14
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)				
		Đội Quản lý thị trường số 10	Đội Quản lý thị trường số 11	Đội Quản lý thị trường số 12	Đội Quản lý thị trường số 13	Đội Quản lý thị trường số 14	Đội Quản lý thị trường số 15		
1	2	15	16	17	18	19	20		
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
1	Lệ phí								
2	Phí								
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại								
1	Chi sự nghiệp								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước								
1	Lệ phí								
2	Phí								
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	980.000.000	940.000.000	1.135.000.000	1.245.000.000	1.446.000.000	938.000.000		
1	Nguồn ngân sách trong nước	980.000.000	940.000.000	1.135.000.000	1.245.000.000	1.446.000.000	938.000.000		
1	Chi quản lý hành chính	980.000.000	940.000.000	1.135.000.000	1.245.000.000	1.446.000.000	938.000.000		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	920.000.000	820.000.000	975.000.000	1.085.000.000	1.256.000.000	708.000.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	60.000.000	120.000.000	160.000.000	160.000.000	190.000.000	230.000.000		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 10	Đội Quản lý thị trường số 11	Đội Quản lý thị trường số 12	Đội Quản lý thị trường số 13	Đội Quản lý thị trường số 14	Đội Quản lý thị trường số 15
1	2	15	16	17	18	19	20
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 10	Đội Quản lý thị trường số 11	Đội Quản lý thị trường số 12	Đội Quản lý thị trường số 13	Đội Quản lý thị trường số 14	Đội Quản lý thị trường số 15
1	2	15	16	17	18	19	20
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Nguồn vốn viện trợ						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 10	Đội Quản lý thị trường số 11	Đội Quản lý thị trường số 12	Đội Quản lý thị trường số 13	Đội Quản lý thị trường số 14	Đội Quản lý thị trường số 15
1	2	15	16	17	18	19	20
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)	
		Đội Quản lý thị trường số 4	Đội Quản lý thị trường số 16	Đội Quản lý thị trường số 18	Đội Quản lý thị trường số 17	
1	2	21	22	23	24	
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
2	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.823.000.000	1.008.000.000	730.000.000	1.084.000.000	
1	Nguồn ngân sách trong nước	1.823.000.000	1.008.000.000	730.000.000	1.084.000.000	
1	Chi quản lý hành chính	1.823.000.000	1.008.000.000	730.000.000	1.084.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.635.000.000	830.000.000	670.000.000	889.000.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	188.000.000	178.000.000	60.000.000	195.000.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)	
		Đội Quản lý thị trường số 4	Đội Quản lý thị trường số 16	Đội Quản lý thị trường số 18	Đội Quản lý thị trường số 17	
1	2	21	22	23	24	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)	
		Đội Quản lý thị trường số 4	Đội Quản lý thị trường số 16	Đội Quản lý thị trường số 18	Đội Quản lý thị trường số 17	
1	2	21	22	23	24	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	Nguồn vốn viện trợ					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bao vệ môi trường					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bao vệ môi trường					

Đơn vị: Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa

Chương:

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Đội Quản lý thị trường số 4	Đội Quản lý thị trường số 16	Đội Quản lý thị trường số 18	Đội Quản lý thị trường số 17		
1	2	21	22	23	24		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						